

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ/FUND'S NET ASSET VALUE

Từ ngày: 10/9/2020
 Tới ngày: 10/15/2020

Tên của Công ty quản lý quỹ/Fund Management Company name: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments/Eastspring Investments Fund Management Company
 Tên của Ngân hàng giám sát/Supervising bank name: Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)/HSBC Bank (Vietnam) Ltd
 Tên Quỹ/Fund name: Quỹ đầu tư năng động Eastspring Investments Việt Nam/Eastspring Investments Vietnam Navigator Fund (ENF)
 Ngày định giá/Ngày giao dịch: 16/10/2020

Thông tư số 183/2011/TT-BTC, Phụ lục số 24
 (Circular 183/2011/TT-BTC, Annex 24)

STT/No.	Nội dung/Report	Tên sheet/Sheet name
1	Giá trị tài sản ròng của quỹ/Fund's Net Asset Value	GiaTriTaiSanRong_06126

Ghi chú/Note Không đổi tên sheet/Sheet name must not be changed
 Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã chỉ tiêu"./
 It is not required to report those indicators that no data, however code must not be changed

Đại diện có thẩm quyền của
ngân hàng giám sát/ Supervising Bank

Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ/
Chief Executive Officer of Fund
Management Company

Tên quỹ mở/Fund Name	Phí phát hành (% giá trị giao dịch)/Subscription fee (% transaction amount)	Phí mua lại (% giá trị giao dịch)/Redemption fee (% transaction amount)	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá (NAV)/ NAV per unit at valuation date	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước/NAV per unit last valuation date	Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)/Change in NAV per unit as compared to the last period	Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm/Changes in NAV per unit during 1 year		Tỷ lệ sở hữu của NĐT NN/Foreign investors' ownership ratio		
						Mức cao nhất (VND)/Highest level (VND)	Mức thấp nhất (VND)/Lowest level (VND)	Số lượng đơn vị quỹ/Number of fund units	Tổng giá trị tại ngày giao dịch/Total value on dealing date	Tỷ lệ sở hữu/Ownership ratio
ENF	0-3%	0%	21,018	20,923	0.45%	21,018	17,207	5,263,082.92	110,619,476,813	77.58%